

VIỆT NAM TRONG CHÍNH SÁCH ĐÔNG NAM Á CỦA MỸ TỪ ĐẦU THẾ KỶ XXI ĐẾN NAY

VŨ THỊ THU GIANG*

Chính sách Đông Nam Á là một bộ phận trong chiến lược toàn cầu của Mỹ. Chính sách này đã trải qua một quá trình thay đổi và phát triển. Sự điều chỉnh chính sách Đông Nam Á gắn liền với những thay đổi về lợi ích chiến lược của Mỹ ở khu vực này, cùng với thay đổi về thực lực, vị thế của nước Mỹ và các nước Đông Nam Á qua từng thời kỳ.

Sau sự kiện 11/9, vấn đề chống khủng bố trở thành trọng tâm, mục tiêu hàng đầu trong chính sách của Mỹ cả về khía cạnh đối nội và đối ngoại. Cuộc chiến chống khủng bố làm Mỹ thay đổi cách nhìn nhận đối với Đông Nam Á, tạo một bước ngoặt mới trong chính sách của Mỹ đối với khu vực này. Nhận thức được tầm quan trọng của Đông Nam Á trong cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, Mỹ đã tiến hành điều chỉnh chính sách. Tháng 3 năm 2002, Mỹ chính thức tuyên bố phát triển Đông Nam Á thành “mặt trận thứ hai của cuộc chiến chống khủng bố”⁽¹⁾. Mỹ mở rộng sự có mặt về quân sự ở Đông Nam Á, đẩy nhanh tiến độ quay trở lại

khu vực. Mỹ lợi dụng vấn đề chống khủng bố để gia tăng ảnh hưởng, lôi kéo, tập hợp lực lượng. Tháng 8 năm 2002, Mỹ và ASEAN ký “*Tuyên bố chung hợp tác chống lực lượng khủng bố*”. Tuyên bố trên đặt nền tảng cho Mỹ triển khai hoạt động quân sự ở Đông Nam Á.

Bên cạnh mục tiêu chống khủng bố, những động thái mạnh mẽ của Trung Quốc nhằm tăng cường ảnh hưởng ở Đông Nam Á đã thúc đẩy Mỹ phải có những hành động thiết thực. Theo các nhà phê bình: quan hệ Trung Quốc - ASEAN phát triển hiện nay đã đặt ra những thách thức chưa từng thấy đối với Mỹ. Học giả Simon (Mỹ) cho rằng: “*Trung Quốc và các nước ASEAN nhích lại gần nhau đã đặt ra trước nước Mỹ từng chiếm vị trí chủ đạo trong các công việc Đông Nam Á một vấn đề không thể lẫn tránh là định vị thế nào vai trò của Mỹ ở khu vực này trong tương lai?*”⁽²⁾. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, Mỹ đẩy nhanh tiến độ quay trở lại Đông Nam Á, tăng cường hiện diện và mở rộng hợp tác quân sự đối với khu vực.

* Ths. Vũ Thị Thu Giang, Viện Sử học

Cùng với việc đẩy mạnh quan hệ an ninh - quân sự, chính quyền G.W. Bush tăng cường hợp tác với các nước ASEAN trên lĩnh vực kinh tế. Tháng 10/2002, Mỹ công bố một khung khổ hợp tác mới với ASEAN có tên là "*Sáng kiến doanh nghiệp vì ASEAN*" nhằm xây dựng các hiệp định thương mại tự do song phương (BFTA) với một số nước thành viên của ASEAN và Hiệp định khung về thương mại và đầu tư Mỹ - ASEAN. Đông Nam Á là thị trường thương mại và đầu tư quan trọng của Mỹ. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới (WB), kim ngạch thương mại song phương Mỹ - ASEAN năm 2002 đạt 120 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Mỹ sang ASEAN là 44 tỷ (gấp hơn 2 lần mức xuất khẩu sang Trung Quốc hoặc Ấn Độ). Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào ASEAN năm 2002 đạt hơn 88 tỷ USD, vượt qua đầu tư của Mỹ vào Trung Quốc, Mêhicô, Braxin và Nhật Bản⁽³⁾. Mỹ mở rộng quan hệ kinh tế với các nước Đông Nam Á thông qua những hiệp định thương mại. Tháng 11 năm 2005, Mỹ và các nước ASEAN triển khai "*Sáng kiến củng cố đối tác*" nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác Mỹ - ASEAN. Ngày 25/8/2006, Mỹ ký với ASEAN "Thoả thuận khung về thương mại và đầu tư" (TIFA). Thoả thuận này đánh dấu sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ hơn nữa của Mỹ đối với các nước Đông Nam Á, cùng với sự can dự trở lại về chính trị và quân sự.

*

* *

Việt Nam là một quốc gia ở Đông Nam Á. Sau 15 năm tiến hành đổi mới và mở cửa, Việt Nam không những thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, mà ngày càng phát triển. Đến đầu thế kỷ XXI, thế và lực của Việt Nam hoàn toàn khác. Từ năm 2001 - 2005, kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao: 7,51%/năm⁽⁴⁾. Tổng sản phẩm trong nước từ 441.646 tỷ đồng (năm 2000) tăng lên 974.266 tỷ đồng (năm 2006)⁽⁵⁾. Thực lực của Việt Nam ngày càng tăng, cùng với sự thay đổi của tình hình thế giới sau sự kiện 11/9 đã làm cho đất nước này có một vị trí nhất định trong chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á.

Việt Nam có các cảng nước sâu như Cam Ranh, Hải Phòng, Đà Nẵng. Việc tiếp cận các cơ sở và hải cảng của Việt Nam là một trong những mối quan tâm của Mỹ ở Đông Nam Á. Báo cáo đánh giá quốc phòng 4 năm một lần (QDR) của Bộ Quốc phòng Mỹ nhận định: "*Vấn tồn tại một khả năng sẽ xuất hiện một đối thủ quân sự có sức mạnh to lớn tại khu vực*" và "*mật độ căn cứ và hạ tầng cơ sở giao thông của Mỹ ở Đông Nam Á hiện thấp hơn so với các khu vực then chốt khác. Điều đó đặt ra nhu cầu về sự tiếp cận bổ sung và phát triển các hệ thống đủ khả năng duy trì hoạt động ở tầm xa với sự yểm trợ không gian tối thiểu*"⁽⁶⁾. Với các cảng nước sâu và vị trí chiến lược tại Biển Đông, Việt Nam ở vào vị thế lý tưởng để đáp ứng nhu cầu của Mỹ.

Trong số các cảng nước sâu của Việt

Nam, Mỹ đặc biệt quan tâm đến Cam Ranh. Đây là một trong những hải cảng thiên nhiên lý tưởng nhất ở vùng cực Đông, một địa điểm quan trọng về chiến lược trên thủy trình chạy dài từ Ấn Độ Dương đến Thái Bình Dương. Từ Cam Ranh có thể theo dõi các hoạt động trong toàn thể vùng biển châu Á - Thái Bình Dương. Mỹ rất quan tâm đến hải cảng này. Các nhà quân sự Mỹ nhiều lần thảo luận với các nhà lãnh đạo Việt Nam về vấn đề cảng Cam Ranh. Tư lệnh các lực lượng Mỹ ở Thái Bình Dương phát biểu tại Hà Nội (ngày 2/2/2002): *"Washington đang tìm cách thương lượng với Chính phủ Việt Nam để sử dụng hải cảng trong vịnh Cam Ranh yểm trợ cho các hoạt động của Mỹ trong vùng Đông Nam Á"*⁽⁷⁾. Việt Nam thận trọng trong hợp tác với Mỹ, vì không muốn Trung Quốc hiểu là nhằm kiểm chế nước này về mặt chiến lược. Ông Carl Thayer (chuyên gia thuộc Học viện Quân sự Quốc phòng Australia) cho rằng: *"Đối với Việt Nam, họ muốn tiến lên theo hai phương hướng. Họ không muốn trở thành một bộ phận trong chính sách kiểm chế Trung Quốc của Mỹ, một mặt muốn Mỹ duy trì sự có mặt ở châu Á, mặt khác, họ lại không muốn quá gần gũi Mỹ"*⁽⁸⁾.

Việt Nam là nước mà Mỹ cần hợp tác để chống khủng bố ở khu vực Đông Nam Á. Chính quyền Mỹ luôn khẳng định chống khủng bố là nội dung quan trọng trong quan hệ giữa hai nước. Mỹ luôn đề nghị Việt Nam có những cam kết mạnh mẽ hơn và có hành động cụ thể để ủng hộ

Mỹ chống khủng bố. Mỹ chủ động cung cấp một số thông tin liên quan đến khủng bố và đề nghị Việt Nam phối hợp hành động trong việc truy tìm những kẻ tình nghi có thể quá cảnh, xâm nhập hoặc ẩn náu tại lãnh thổ Việt Nam. Mỹ đề nghị Việt Nam cho phép máy bay quân sự Mỹ được bay quá cảnh, dừng hoặc đỗ tại các sân bay của Việt Nam để cung ứng hậu cần trong những trường hợp khẩn cấp. Mỹ trực tiếp nêu vấn đề tăng cường lực lượng an ninh cho các cơ quan đại diện, cá nhân các nhà ngoại giao Mỹ, hợp tác tình báo chống khủng bố quốc tế. Việt Nam hợp tác và đáp ứng một cách có chọn lọc những yêu cầu của Mỹ. Việt Nam cam kết chống khủng bố, tham gia các tuyên bố đa phương về chống khủng bố, tăng cường các biện pháp an ninh để bảo vệ các cơ quan đại diện của Mỹ trên lãnh thổ của mình. Việt Nam cũng yêu cầu Mỹ không dung túng và trừng trị những cá nhân, tổ chức phản động tiến hành chống phá nhà nước Việt Nam.

Việt Nam là nước mà chính quyền Mỹ cần hợp tác để tiếp tục tìm kiếm các quân nhân mất tích (MIA), giải quyết những hậu quả chiến tranh. Mỹ đã tiêu hàng triệu đôla, thuê rất nhiều chuyên gia và Áp dụng những kỹ thuật tối tân để tìm hài cốt lính Mỹ. Năm 1998, phía Mỹ nêu có 2.583 POW/MIA tại Việt Nam, trong đó số mất tích là 1.555. Đến 2006, con số đã thấp hơn, nhưng phía Mỹ vẫn tiếp tục giành ưu tiên cho vấn đề này⁽⁹⁾. Ngày 22/6/2007, trong buổi tiếp Chủ tịch nước

Việt Nam Nguyễn Minh Triết thăm chính thức Mỹ, Tổng thống G. W. Bush vẫn nhấn mạnh POW/MIA là một vấn đề quan trọng trong quan hệ giữa hai nước⁽¹⁰⁾. Như vậy, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, vấn đề MIA đối với chính quyền Mỹ tuy không còn là ưu tiên hàng đầu, là điều kiện tiên quyết trong quan hệ với Việt Nam như thời kỳ trước, nhưng vẫn là một vấn đề ưu tiên trong quan hệ với Việt Nam.

Chính quyền Mỹ thúc đẩy quan hệ với Việt Nam còn nhằm mục đích xóa đi “*hội chứng chiến tranh*” vẫn đang đè nặng lên đời sống tinh thần của người dân Mỹ, xóa bỏ những mâu thuẫn trong nội bộ nước Mỹ: “*Đã có một mức độ chia rẽ đáng kể. Chúng ta đã chứng kiến những cái nhìn khó chịu, nghe thấy những tuyên bố mà bao hàm những động cơ cá nhân, chứ không phải về tư tưởng chống lại nhau. Các đảng lớn của chúng ta thường xa cách nhau và không tin cậy lẫn nhau.*”

Tình hình diễn ra như vậy kể từ cuộc chiến tranh Việt Nam. Cuộc chiến tranh đó hiện tại vẫn chia rẽ chúng ta... Bài học cuối cùng của cuộc chiến tranh Việt Nam là không một dân tộc vĩ đại nào có thể chịu đựng mãi cái cảnh bị chia rẽ vì một ký ức”.⁽¹¹⁾

Việt Nam tuy là một nước nhỏ, nhưng đông dân (năm 2007 là: 85,1549 triệu người⁽¹²⁾) và có nền kinh tế đang phát triển khá năng động. Các nhà kinh doanh và đầu tư Mỹ rất quan tâm tới thị trường nhiều tiềm năng này. Buôn bán và đầu tư ở Việt Nam hứa hẹn đem lại nhiều lợi

nhuận, tăng lợi thế cho Mỹ trong cuộc cạnh tranh kinh tế và thương mại toàn cầu hết sức khốc liệt hiện nay. Giới doanh nhân Mỹ tiến hành các hoạt động vận động hành lang (Lobby) để Chính phủ Mỹ quan tâm và có chính sách tích cực đối với Việt Nam. Với tư duy đối ngoại thực dụng, chính quyền Mỹ đã không bỏ qua những lợi ích kinh tế ở thị trường Việt Nam. Tháng 7/2000, Mỹ ký với Việt Nam “Hiệp định Thương mại song phương” (BTA). Từ khi BTA có hiệu lực (12/2001), quan hệ mậu dịch giữa Mỹ và Việt Nam có sự đột biến. Trao đổi mậu dịch Mỹ - Việt từ 1513,2 triệu USD (năm 2001) tăng lên 6439,2 triệu USD (năm 2004)⁽¹³⁾. Năm 2006, tổng kim ngạch buôn bán song phương Mỹ - Việt đạt 9,7 tỷ USD⁽¹⁴⁾. Năm 2007, kim ngạch thương mại hai chiều Mỹ - Việt đạt 12,5 tỷ USD, tăng 30% so với năm 2006⁽¹⁵⁾. Các tập đoàn, các công ty lớn của Mỹ đầu tư vào Việt Nam ngày càng nhiều. Chỉ tính đầu tư trực tiếp, từ năm 1988 đến 2006, Mỹ có 374 dự Án đầu tư vào Việt Nam với số vốn 3121,2 triệu USD⁽¹⁶⁾. Tính riêng năm 2006, Mỹ có 55 dự Án đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với số vốn đăng ký là 816,5 triệu USD. Mỹ trở thành nước đứng thứ 6 về số lượng dự Án đầu tư và thứ 5 về số vốn đầu tư vào Việt Nam⁽¹⁷⁾. Tháng 11 năm 2006, Tổng thống G.W. Bush khi đề cập đến quan hệ giữa hai nước và cả khu vực châu Á đã nhấn mạnh: “*Mỹ và Việt Nam phát triển quan hệ là phù hợp với lợi ích của cả hai bên*”⁽¹⁸⁾. Tháng 12/2006, Mỹ trao cho Việt Nam “Quy chế quan hệ bình thường vĩnh

viễn" (PNTR). Tháng 6 năm 2007, Mỹ ký với Việt Nam "Hiệp định khung về thương mại và đầu tư" (TIFA). Đây là bước đầu tiên để hai nước đi đến một Hiệp định tự do mậu dịch (FTA).

Nhìn chung, thế giới sau sự kiện ngày 11/9/2001 có rất nhiều biến động. Trước sự thay đổi của tình hình thế giới, Mỹ buộc phải điều chỉnh lại chiến lược toàn cầu, trong đó có chính sách đối với Đông Nam Á. Việt Nam với vị trí địa - chiến lược quan trọng và thực lực ngày càng mạnh đã khiến Mỹ phải tính đến trong chính sách quay trở lại Đông Nam Á. So với một số nước khác ở Đông Nam Á (Thái Lan, Indônêxia, Malaixia), Việt Nam cũng được Mỹ tăng cường hợp tác để thực hiện mục tiêu chống khủng bố, giành lợi ích kinh tế. Ngoài ra, Việt Nam còn được Mỹ tính đến như là một đối trọng với Trung Quốc, hợp tác để tiếp tục giải quyết vấn đề MIA và hàn gắn vết thương chiến tranh... Có thể khẳng định rằng, Việt Nam chiếm một vị trí nhất định trong chính sách của Mỹ đối với Đông Nam Á từ đầu thế kỷ XXI đến nay./.

CHÚ THÍCH

1. *Quan hệ Mỹ - ASEAN và ảnh hưởng*, Chính trị quốc tế (Trung Quốc), số 8, 2007. Dẫn theo TTXVN, Tài liệu tham khảo chủ nhật, ngày 4/5/2008, tr 15.
2. *Quan hệ Mỹ - ASEAN và ảnh hưởng*, Chính trị quốc tế (Trung Quốc), số 8, 2007. Dẫn theo TTXVN, Tài liệu tham khảo chủ

nhật, ngày 4/5/2008, tr 21.

3. *Về chính sách an ninh Đông Nam Á của Mỹ*, TTXVN, Tài liệu tham khảo chủ nhật, ngày 11/5/2008, tr 18.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 14.
5. Tổng cục Thống kê: "*Niên giám Thống kê 2007*" - Nxb Thống kê, HN.2008, tr 71.
6. *Định hướng chính sách của Mỹ trong hợp tác quân sự với Việt Nam*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 28/9/2006, tr 5.
7. *Mỹ với vấn đề cảng Cam Ranh*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 19/2/2002, tr 1.
8. *Việt Nam trong sự giành giật giữa Mỹ và Trung Quốc*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 23/3/2006, tr 2.
9. Nguyễn Mại (Chủ biên): *Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ hướng về phía trước*. Nxb Tri Thức, HN.2008, tr 188.
10. <http://www.whitehouse.gov>, truy cập ngày 26/6/2007.
11. *Diễn văn nhậm chức của Tổng thống G.H. Bush (ngày 20/1/1989)*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 26/1/1989, tr 8.
12. Tổng cục Thống kê: "*Niên giám Thống kê 2007*" - Nxb Thống kê, HN.2008, tr 37.
13. Số liệu của Tổng cục Thống kê Hoa Kỳ tại website: <http://www.census.gov/foreign-trade>
14. *Quan hệ của Việt Nam với những nước lớn*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 28/12/2007, tr 5.
15. Nguồn: <http://vnexpress.net>
16. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2007, tr 101-102.
17. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2006*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2007, tr 108.
18. *Về triển vọng của quan hệ Việt - Mỹ*, TTXVN, Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 28/7/2007, tr 3.